

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học
năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	27/30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	27	1.06 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1609	1.13 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	382	0.26 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1282	1.06 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	71.2	0.05 m ² /học sinh
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	72	1.6 m ² /học sinh
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	32	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hoà nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	7	
1.2	Khối lớp 2	7	
1.3	Khối lớp 3	7	
1.4	Khối lớp 4	6	
1.5	Khối lớp 5	6	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng		Số học sinh/bộ